

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Hà Nội, tháng 03 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 18



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập theo Quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 28/UBCK-GP cấp ngày 25/01/2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 02, Tòa nhà Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, Số 141, Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2008, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 25 tỷ VND chia thành 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập cam kết góp vốn mua cổ phần của Công ty theo nội dung chi tiết dưới đây:

- Ông Nguyễn Hà Trung cam kết mua 800.000 cổ phần với tổng mệnh giá 8.000.000.000 VND, tương đương 32% vốn điều lệ của Công ty;
- Ông Phạm Sĩ Hải cam kết mua 450.000 cổ phần với tổng mệnh giá 4.500.000.000 VND, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty;
- Ông Lê Thành Công cam kết mua 300.000 cổ phần với tổng mệnh giá 3.000.000.000 VND, tương đương 12% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Nguyễn Thị Hào cam kết mua 250.000 cổ phần với tổng mệnh giá 2.500.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Lưu Thị Việt Hồng cam kết mua 225.000 cổ phần với tổng mệnh giá 2.250.000.000 VND, tương đương 9% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Nguyễn Thị Hải Yến cam kết mua 175.000 cổ phần với tổng mệnh giá 1.750.000.000 VND, tương đương 7% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Phạm Thị Thu Trang cam kết mua 62.500 cổ phần với tổng mệnh giá 625.000.000 VND, tương đương 2,5% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Nguyễn Hương Lan cam kết mua 62.500 cổ phần với tổng mệnh giá 625.000.000 VND, tương đương 2,5% vốn điều lệ của Công ty; và
- Công ty TNHH Nhất Vinh với đại diện phần vốn góp là Ông Nguyễn Vinh Sơn cam kết mua 175.000 cổ phần với tổng mệnh giá 1.750.000.000 VND, tương đương 7% vốn điều lệ của Công ty.

Đến ngày lập báo cáo này, các cổ đông sáng lập đã hoàn thành cam kết góp vốn nêu trên. Vốn điều lệ 25 tỷ VND theo đăng ký của Công ty đã thực hiện đủ 100%.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 18 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Sĩ Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vinh Sơn	Ủy viên
Bà Lưu Thị Việt Hồng	Ủy viên
Ông Lê Thành Công	Ủy viên
Ông Nguyễn Hà Trung	Ủy viên
<u>Ban Kiểm soát</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hào	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Hương Lan	Kiểm soát viên
<u>Ban Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Sĩ Hải	Tổng giám đốc
Ông Lê Thành Công	Kế toán trưởng

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Ban Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc thiết lập các cơ chế kiểm soát các giao dịch với các Bên liên quan, đảm bảo tính khách quan cũng như tính tương xứng giữa quyền và lợi ích của Công ty trong các giao dịch này. Báo cáo tài chính của Công ty phải trình bày đầy đủ số liệu và thông tin về quan hệ tài sản, công nợ tại ngày lập báo cáo, cũng như các giao dịch với các Bên liên quan diễn ra trong kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,




Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2009

Tầng 5 - 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Tel : (84-4) 755 7446
Fax : (84-4) 755 7448
Website: uhyvietnam.com.vn

Số: *ST* /2009/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau:

Hạn chế do phạm vi công việc bị giới hạn:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.4, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chúng tôi không thu thập được các thông tin cần thiết liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế. Do đó, Chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá rằng liệu có khả năng giảm giá đối với của khoản đầu tư này hay không.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong trường hợp thu thập được đầy đủ thông tin liên quan đến hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đào Xuân Dũng
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0284/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2009

Hà Minh Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1005/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.704.332.684
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	19.025.453.639
1. Tiền mặt tại quỹ	111		385.349.320
2. Tiền gửi ngân hàng	112		610.104.319
3. Tiền đang chuyển	113		-
4. Tương đương tiền	114		18.030.000.000
II. Đầu tư ngắn hạn	120		-
III. Các khoản phải thu	130		659.190.571
1. Phải thu của khách hàng	131		109.528.839
4. Phải thu khác	134	4.2	549.661.732
5. Dự phòng phải thu khó đòi	135		-
V. Tài sản lưu động khác	150		19.688.474
2. Tài sản lưu động khác	152		19.688.474
B - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		8.560.519.086
I. Tài sản cố định	210		896.091.562
1. Tài sản cố định hữu hình	211	4.3	896.091.562
- Nguyên giá	212		1.024.559.097
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	213		(128.467.535)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230		7.267.081.900
1. Đầu tư chứng khoán	231	4.4	7.267.081.900
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250		-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		397.345.624
1. Chi phí trả trước	261	4.5	397.345.624
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.264.851.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2008
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	4.6	3.225.129.779
I. Nợ ngắn hạn	310		1.225.129.779
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		23.629.779
5. Chi phí phải trả	315		1.500.000
7. Phải trả, phải nộp khác	317		1.200.000.000
II. Nợ dài hạn	340		2.000.000.000
3. Phải trả người ủy thác đầu tư	343		2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.039.721.991
I. Nguồn vốn	410	4.7	25.039.721.991
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		39.721.991
II - Quỹ	420		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		28.264.851.770

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Tại ngày 31/12/2008
Tài sản cố định thuê ngoài	001	-
Vật tư nhận giữ hộ	002	-
Nợ khó đòi đã xử lý	003	-
Ngoại tệ các loại	004	-
Chứng khoán theo mệnh giá	005	2.035.000.000



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2009


Lê Thành Công
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01		-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần (01 - 02)	10		-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (10 - 11)	12		-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	5.1	4.005.418.378
7. Chi phí tài chính	14	5.2	2.198.295.026
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	5.3	1.757.578.920
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (12+13-14-15)	16		49.544.432
10. Thu nhập khác	17		5.625.000
11. Chi phí khác	18		-
12. Lợi nhuận khác (17-18)	19		5.625.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (16+19)	20		55.169.432
14. Thuế TNDN phải nộp	21		15.447.441
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (20-21)	22		39.721.991



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2009


Lê Thành Công
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
- Tiền thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	01	2.000.000.000
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	864.773.039
- Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08	(85.916.814)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(2.374.143.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30	404.712.635
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
- Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31	(1.129.158.332)
- Tiền đầu tư chứng khoán	33	(14.686.776.835)
- Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	7.517.270.000
- Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	35	(4.000.000.000)
- Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác	36	4.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	(8.298.665.167)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	41	25.000.000.000
- Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47	1.919.406.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	26.919.406.171
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60	19.025.453.639
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	70	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	90	19.025.453.639


Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2009




Lê Thành Công
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập theo Quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 28/UBCK-GP cấp ngày 25/01/2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 02, Tòa nhà Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, Số 141, Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2008, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 25 tỷ VND chia thành 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập cam kết góp vốn mua cổ phần của Công ty theo nội dung chi tiết dưới đây:

- Ông Nguyễn Hà Trung cam kết mua 800.000 cổ phần với tổng mệnh giá 8.000.000.000 VND, tương đương 32% vốn điều lệ của Công ty;
- Ông Phạm Sĩ Hải cam kết mua 450.000 cổ phần với tổng mệnh giá 4.500.000.000 VND, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty;
- Ông Lê Thành Công cam kết mua 300.000 cổ phần với tổng mệnh giá 3.000.000.000 VND, tương đương 12% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Nguyễn Thị Hào cam kết mua 250.000 cổ phần với tổng mệnh giá 2.500.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Lưu Thị Việt Hồng cam kết mua 225.000 cổ phần với tổng mệnh giá 2.250.000.000 VND, tương đương 9% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Nguyễn Thị Hải Yến cam kết mua 175.000 cổ phần với tổng mệnh giá 1.750.000.000 VND, tương đương 7% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Phạm Thị Thu Trang cam kết mua 62.500 cổ phần với tổng mệnh giá 625.000.000 VND, tương đương 2,5% vốn điều lệ của Công ty;
- Bà Nguyễn Hương Lan cam kết mua 62.500 cổ phần với tổng mệnh giá 625.000.000 VND, tương đương 2,5% vốn điều lệ của Công ty; và
- Công ty TNHH Nhất Vinh với đại diện phần vốn góp là Ông Nguyễn Vinh Sơn cam kết mua 175.000 cổ phần với tổng mệnh giá 1.750.000.000 VND, tương đương 7% vốn điều lệ của Công ty.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 25/01/2008 ngày được cấp Quyết định thành lập lần đầu và kết thúc tại ngày 31/12/2008.

Năm tài chính tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành và có hiệu lực cho kỳ kế toán năm 2008 và các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính. Đối với các chứng khoán không niêm yết, Công ty dựa vào giá giao dịch thực tế công khai hoặc dựa trên những phân tích thị trường và các nguồn thông tin liên quan để ước tính giá trị thuần của các khoản đầu tư này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách chắc chắn rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn của tài sản cố định hữu hình được xác định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
- Phương tiện vận tải	7 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các loại công cụ, dụng cụ phân bổ dần, các khoản chi phí trước hoạt động phục vụ cho việc thành lập doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước có tác dụng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, phù hợp với thời gian tham gia vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu, nhưng không quá 03 năm.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ký kết, các điều khoản của hợp đồng được các bên thực hiện và nhà ủy thác đầu tư thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Ghi nhận doanh thu (tiếp)

Doanh thu ủy thác đầu tư được ghi nhận khi hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng ủy thác được cam kết thực hiện, bên nhận ủy thác thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu tài chính

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi Công ty nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với giá vốn của chứng khoán đầu tư đem bán.

3.9 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

Thuế Giá trị gia tăng

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20/10/2004, các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết về các quyết định đối với chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các Bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Phát sinh tăng trong kỳ VND	Phát sinh giảm trong kỳ VND	Tại ngày 31/12/2008 VND
Tiền mặt tại quỹ	14.769.863.024	14.384.513.704	385.349.320
Tiền gửi ngân hàng	208.256.771.195	207.653.542.654	603.228.541
Tiền gửi của nhà đầu tư	2.000.661.678	1.993.785.900	6.875.778
Các khoản tương đương tiền (*)	152.363.022.296	134.333.022.296	18.030.000.000
Cộng	377.390.318.193	358.364.864.554	19.025.453.639

Ghi chú (*): Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

4.2 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2008 VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	98.156.164
Phải thu lãi khoản đầu tư - Công ty cổ phần Phần mềm Việt	346.059.876
Tiền đặt cọc thuê nhà 3 tháng - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo Hiểm Quốc Gia Việt Nam	105.445.692
Cộng	549.661.732

4.3 Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2008	-	-	-
Tăng trong kỳ	278.688.297	745.870.800	1.024.559.097
- Tăng do mua mới	278.688.297	745.870.800	1.024.559.097
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	278.688.297	745.870.800	1.024.559.097
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2008	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	39.673.392	88.794.143	128.467.535
- Trích khấu hao trong kỳ	39.673.392	88.794.143	128.467.535
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	39.673.392	88.794.143	128.467.535
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2008	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	239.014.905	657.076.657	896.091.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Đầu tư chứng khoán

Chi tiêu	Số lượng	Mua	Số lượng	Bán	Giá trị tại 31/12/2008
		Giá trị VND		Giá trị VND	
1. Chứng khoán kinh doanh	130.000	5.273.296.000	-	-	5.273.296.000
- Cổ phiếu (1)	130.000	5.273.296.000	-	-	5.273.296.000
- Trái phiếu	-	-	-	-	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-	-
2. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	73.500	1.993.785.900	-	-	1.993.785.900
- Cổ phiếu	73.500	1.993.785.900	-	-	1.993.785.900
+ Ngân hàng Á Châu (ACB)(2)	73.500	1.993.785.900	-	-	1.993.785.900
- Trái phiếu	-	-	-	-	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-	-
3. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Cộng	203.500	7.267.081.900	-	-	7.267.081.900

Ghi chú:

- (1) Đây là khoản đầu tư cổ phiếu có thời hạn vào Công ty cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty cổ phần Phần mềm Việt số 01R/2008/VFC-ĐT ngày 05/05/2008. Theo quy định tại Hợp đồng này, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát đã mua 130.000 cổ phần do Công ty cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế phát hành của Công ty cổ phần Phần mềm Việt với tổng số tiền 5.273.296.000 đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa thu thập được đầy đủ thông tin về khả năng giảm giá đối với số chứng khoán này, do đó Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá (nếu có) cho khoản đầu tư này.

- (2) Đây là khoản đầu tư mua chứng khoán của Ngân hàng Á Châu (ACB) ngày 23/12/2008 số lượng 59.000 cổ phiếu với giá trị 1.613.216.050 đồng, và ngày 26/12/2008 số lượng 14.5000 cổ phiếu với giá trị 380.569.850 đồng theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư Số 01/2008/HDQLDT ngày 01/12/2008 với Công ty TNHH Tư vấn Đào tạo Thành Đạt.

4.5 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2008 VND
Chi phí trước hoạt động	380.158.624
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	17.187.000
Cộng	397.345.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Các khoản phải trả

CHỈ TIÊU	Phát sinh trong kỳ		Tổng cộng VND	Tại 31/12/2008	Số tiền tranh chấp mất khả năng thanh toán
	Tăng	Giảm		Trong đó	
	VND	VND		số quá hạn VND	
I - Nợ ngắn hạn	4.522.143.930	3.297.014.151	1.225.129.779		
- Vay ngắn hạn	-	-	-	-	
- Phải trả cho người bán	1.747.539.955	1.747.539.955	-	-	
- Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	109.824.593	86.194.814	23.629.779	-	
- Phải trả nhân viên	958.406.537	958.406.537	-	-	
- Chi phí phải trả	190.637.155	189.137.155	1.500.000	-	
- Phải trả, phải nộp khác	1.515.735.690	315.735.690	1.200.000.000	-	
II - Nợ dài hạn khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000		
- Phải trả người ủy thác đầu tư (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000		
Cộng	6.522.143.930	3.297.014.151	3.225.129.779	-	

Ghi chú:

(*) Khoản phải trả tiền ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư Số 01/2008/HDQLDMĐT ngày 01/12/2008 giữa Công ty TNHH Tư vấn Đào tạo Thành Đạt và Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, theo hợp đồng ủy thác này Công ty TNHH Tư vấn Đào tạo Thành Đạt ủy thác cho Công ty cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát số tiền 2 tỷ đồng để thực hiện đầu tư, mua bán các loại chứng khoán, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác; các loại phí mà nhà đầu tư ủy thác phải trả bao gồm phí quản lý danh mục đầu tư, phí lưu ký, phí hoạt động và phí thường. Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2010.

4.7 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND
I - Nguồn vốn	25.039.721.991	-	25.039.721.991
- Vốn kinh doanh	25.000.000.000	-	25.000.000.000
- Lãi trong kỳ	39.721.991	-	39.721.991
II - Quỹ	-	-	-
Cộng	25.039.721.991	-	25.039.721.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

b) Tình hình thực hiện góp vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh

	Theo cam kết		Tại ngày 31/12/2008		
	Cổ phần đăng ký CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tổng Vốn điều lệ CP	Vốn điều lệ thực góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông sáng lập					
Nguyễn Hà Trung	800.000	32,0%	800.000	8.000.000.000	32,0%
Phạm Sĩ Hải	450.000	18,0%	450.000	4.500.000.000	18,0%
Lê Thành Công	300.000	12,0%	300.000	3.000.000.000	12,0%
Nguyễn Thị Hào	250.000	10,0%	250.000	2.500.000.000	10,0%
Lưu Thị Việt Hồng	225.000	9,0%	225.000	2.250.000.000	9,0%
Công ty TNHH Nhất Vinh	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Nguyễn Thị Hải Yến	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Phạm Thu Trang	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Nguyễn Hương Lan	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Cộng	2.500.000	100%	2.500.000	25.000.000.000	100%

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.641.840.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.918.701.160
Lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	661.678
Doanh thu hoạt động tài chính khác	444.215.540
Cộng	4.005.418.378

5.2 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	2.194.264.935
Phí giao dịch ngân hàng	4.030.091
Cộng	2.198.295.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP)

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2008 VND
Chi phí lương nhân viên	918.522.145
Chi phí thuê văn phòng	396.043.164
Chi phí khấu hao TSCĐ	154.544.710
Chi phí vận chuyển	55.827.000
Chi phí đào tạo cho nhân viên	43.450.000
Chi phí vật liệu, dụng cụ	32.564.942
Chi phí tiếp khách	25.469.200
Chi phí thuê dịch vụ bên ngoài	17.071.264
Chi phí bảo hiểm xã hội	14.175.450
Chi phí điện thoại, liên lạc	11.677.616
Chi phí khác	88.233.429
Cộng	1.757.578.920

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Các chỉ tiêu đánh giá

CHỈ TIÊU	Năm 2008 %
1. Cơ cấu tài sản	
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	3,17
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	69,71
2. Tỷ suất sinh lợi	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn góp	0,16
2. Tình hình tài chính	
- Tổng nợ phải trả / Tổng tài sản	11,41
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn	1.552,93
- Tài sản cố định / Vốn chủ sở hữu	3,58

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát, do đó không có số liệu so sánh.

Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2009



Lê Thành Công
Kế toán trưởng